

# PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN ĐA PHƯƠNG THỨC TRONG INFOGRAPHIC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM: SỰ TƯƠNG TÁC GIỮA NGÔN NGỮ VÀ HÌNH ẢNH

● ĐỖ THỊ BÍCH ĐÀO

Trường Đại học Thương mại

## TÓM TẮT:

Bài viết tiến hành phân tích diễn ngôn đa phương thức trên 60 sản phẩm infographic về biến đổi khí hậu được đăng tải trên 3 tờ báo điện tử có lượng truy cập lớn tại Việt Nam (VnExpress, Tuổi Trẻ Online và Vietnam+) trong giai đoạn 2021-2025. Dựa trên khung lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh của Kress và Van Leeuwen (2006) kết hợp với mô hình Ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday và Matthiessen (2014), nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính kết hợp định lượng nhằm làm sáng tỏ cách thức các phương thức ngữ nghĩa (ngôn ngữ, hình ảnh, màu sắc, bố cục, kiểu chữ) tương tác để kiến tạo nghĩa và định hướng tri nhận của công chúng. Kết quả cho thấy, các infographic chủ yếu sử dụng chiến lược tương tác bổ sung (complementary) giữa kênh ngôn ngữ và kênh thị giác; xu hướng nhân hóa hiện tượng khí hậu, sử dụng màu cảnh báo (đỏ, cam) và biểu tượng có giá trị văn hóa địa phương xuất hiện với tần suất cao. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp về mặt diễn ngôn nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

Từ khóa: diễn ngôn đa phương thức, infographic, biến đổi khí hậu, báo điện tử, ngữ pháp hình ảnh.

## 1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên truyền thông số, các sản phẩm thông tin trên báo điện tử không còn đơn thuần là một văn bản ngôn ngữ tuyến tính, mà đã chuyển hóa thành những diễn ngôn đa phương thức (multimodal discourse) - nơi ngôn ngữ tự nhiên được tích hợp với hình ảnh tĩnh, đồ họa, biểu đồ, màu sắc, kiểu chữ và bố cục để cùng kiến tạo nghĩa (Kress, 2010; Bezemer & Kress, 2016). Sự bùng nổ của thiết bị di động và xu hướng đọc lướt (scanning reading) đã thúc đẩy các tòa soạn ngày càng ưa chuộng infographic - một thể

loại tiêu biểu của diễn ngôn đa phương thức - như một công cụ trực quan hóa thông tin phức tạp, giúp công chúng tiếp nhận nhanh, ghi nhớ tốt và chia sẻ rộng rãi trên mạng xã hội (Lankow, Ritchie, & Crooks, 2012; Smiciklas, 2012).

Trong số các chủ đề được trực quan hóa thường xuyên nhất, biến đổi khí hậu nổi lên như một vấn đề mang tính toàn cầu nhưng có biểu hiện rất khác nhau ở mỗi quốc gia. Việt Nam được Ngân hàng Thế giới (2022) xếp vào nhóm 5 quốc gia chịu tác động nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu, với những hệ lụy về xâm

nhập mặn, sạt lở bờ sông, thiên tai cực đoan và an ninh lương thực. Trong bối cảnh đó, truyền thông đại chúng - đặc biệt là báo điện tử - giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng, kêu gọi hành động và định hình các hệ giá trị môi trường. Tuy nhiên, hiệu quả truyền thông không chỉ phụ thuộc vào nội dung khoa học chính xác mà còn phụ thuộc vào cách các phương thức ngữ nghĩa được tổ chức, kết nối và ngữ cảnh hóa trong mỗi sản phẩm cụ thể (Painter, Martin, & Unsworth, 2013).

Trong khi các nghiên cứu về diễn ngôn đa phương thức trên thế giới đã phát triển khá mạnh, ở Việt Nam, hướng tiếp cận này mới chỉ được khai thác bước đầu, chủ yếu thông qua các công trình về phân tích diễn ngôn nói chung (Nguyễn Hòa, 2018) và một số khảo sát về diễn ngôn đa phương thức trong sách giáo khoa (Trần Thị Thuỳ Dung, 2025). Mảng infographic về biến đổi khí hậu trên báo điện tử - một thể loại có sức lan tỏa lớn và mang tính ứng dụng cao - hầu như chưa được phân tích một cách hệ thống dưới góc nhìn ngôn ngữ học. Bài viết hướng tới làm rõ cơ chế kiến tạo nghĩa của infographic về biến đổi khí hậu, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông và năng lực đọc hiểu đa phương thức (multiliteracy) cho công chúng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Phân tích diễn ngôn đa phương thức (Multimodal Discourse Analysis - MDA) là một hướng nghiên cứu liên ngành được phát triển mạnh từ cuối những năm 1990, lấy nền tảng từ ngôn ngữ học chức năng hệ thống của Halliday (1978). Các công trình tiên phong của Kress và van Leeuwen (1996, 2006) đã hệ thống hóa Ngữ pháp hình ảnh (Visual Grammar) - một bộ công cụ phân tích cho phép xem hình ảnh như một hệ thống tạo nghĩa song hành với ngôn ngữ, gồm 3 siêu chức năng: tái hiện (representational), tương tác (interactive) và bố cục (compositional). O'Halloran (2004, 2011) tiếp tục mở rộng MDA sang các văn bản học thuật, toán học và các trang web động. Trong những năm gần đây, sự phát triển của truyền thông số đã đặt ra yêu cầu kết hợp MDA với phân tích ngữ liệu lớn (corpus-based MDA) (Bateman, Wildfeuer, & Hiippala, 2017).

Liên quan trực tiếp đến chủ đề bài viết, một số nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra, diễn ngôn về biến đổi

khí hậu thường được kiến tạo thông qua các ẩn dụ trực quan như “Trái Đất đang sốt”, “băng tan - đồng hồ đếm ngược”, “gấu Bắc Cực mất nhà” (Doyle, 2011; O'Neill & Smith, 2014). Hansen và Machin (2013) cảnh báo nguy cơ “thẩm mỹ hóa thảm họa” (aestheticisation of disaster) khi truyền thông sử dụng hình ảnh đẹp về thiên tai, vô tình làm giảm tính khẩn cấp của thông điệp. Trong khi đó, ở Việt Nam, hướng tiếp cận diễn ngôn đa phương thức đối với truyền thông môi trường nói chung và infographic về biến đổi khí hậu nói riêng vẫn còn là một khoảng trống đáng kể, là cơ sở và động lực để tác giả thực hiện nghiên cứu đầy đủ hơn về sự cộng hưởng giữa chữ và hình trong infographic - yếu tố quyết định hiệu quả truyền tải.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Khái niệm diễn ngôn đa phương thức

Theo Kress (2010), một phương thức (mode) là một nguồn lực ký hiệu được xã hội định hình nhằm tạo nghĩa, ví dụ như ngôn ngữ viết, hình ảnh tĩnh, hình ảnh động, âm thanh, cử chỉ. Diễn ngôn đa phương thức là diễn ngôn được kiến tạo bằng sự phối hợp đồng thời của nhiều hơn một phương thức, trong đó các phương thức bổ trợ, củng cố hoặc thậm chí mâu thuẫn với nhau để tạo ra một tổng thể nghĩa thống nhất (Jewitt, Bezemer, & O'Halloran, 2016). Infographic là một thể loại điển hình bởi tích hợp ngôn ngữ tự nhiên, biểu đồ, biểu tượng, hình minh họa, màu sắc, kiểu chữ và bố cục trong một không gian thị giác giới hạn.

3.2. Khung lý thuyết áp dụng

Bài viết kết hợp 3 khung lý thuyết. Thứ nhất, Ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday và Matthiessen (2014) được sử dụng để phân tích phần ngôn ngữ với 3 siêu chức năng: tư tưởng (ideational), liên nhân (interpersonal) và văn bản (textual). Thứ hai, Ngữ pháp hình ảnh của Kress và van Leeuwen (2006) cung cấp công cụ cho phần hình ảnh, bao gồm các phạm trù như sự kiện hành động (action processes), góc máy, khoảng cách xã hội, giá trị thông tin theo trục đứng (Đã biết - Mới) và trục ngang (Lý tưởng - Thực tế), khung và sự nổi bật. Thứ ba, mô hình tương tác hình - chữ của Martinec và Salway (2005) cho phép xác định 4 quan hệ cơ bản giữa kênh ngôn ngữ và kênh thị giác: bổ sung (complementary),

tương đương (equivalent), giải thích (elaboration) và mở rộng (extension). Sự kết hợp này tạo nên một khung phân tích toàn diện, vừa chú ý đến cấu trúc bên trong từng phương thức, vừa nắm bắt được mối quan hệ liên phương thức.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Ngữ liệu nghiên cứu

Ngữ liệu của bài viết bao gồm 60 infographic về chủ đề biến đổi khí hậu được đăng tải trên 3 báo điện tử lớn của Việt Nam: VnExpress, Tuổi Trẻ Online và Vietnam+ trong giai đoạn từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2025. Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu gồm: (i) thuộc thể loại infographic độc lập, không phải ảnh minh họa cho bài viết; (ii) đề cập trực tiếp đến biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai cực đoan, phát thải khí nhà kính hoặc chuyển đổi xanh; (iii) có độ phổ biến cao, đo bằng số lượt chia sẻ tối thiểu 500 lượt trên mạng xã hội. Mỗi infographic được mã hóa theo nguồn báo, năm xuất bản và chủ đề con để thuận tiện cho việc xử lý.

4.2. Phương pháp và quy trình phân tích

Bài viết áp dụng phương pháp phân tích diễn ngôn đa phương thức kết hợp định tính và định lượng. Về định tính, mỗi infographic được phân tích trên 3 bình diện: (i) bình diện ngôn ngữ (theo Halliday & Matthiessen, 2014), tập trung vào kiểu quá trình, hệ thống tình thái và mạch lạc; (ii) bình diện hình ảnh (theo Kress & van Leeuwen, 2006), tập trung vào tiến trình tái hiện, ánh nhìn, góc máy và bố cục; (iii) bình diện tương tác hình - chữ (theo Martinec & Salway, 2005). Về định lượng, các phạm trù phân tích được mã hóa theo bộ chỉ báo gồm 24 biến và xử lý bằng phần mềm SPSS 26 nhằm xác định tần suất và tương quan giữa các phương thức.

Quy trình nghiên cứu được triển khai qua 4 bước: (1) thu thập và tiền xử lý ngữ liệu; (2) xây dựng bộ mã (coding scheme) dựa trên khung lý thuyết; (3) 2 mã hóa viên độc lập tiến hành mã hóa, tính chỉ số đồng thuận liên mã hóa viên Cohen's Kappa (đạt 0,82, mức rất tốt theo Landis & Koch, 1977); (4) phân tích định tính sâu các trường hợp tiêu biểu (deep case analysis) và đối chiếu với bối cảnh văn hóa - truyền thông Việt Nam.

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

5.1. Đặc điểm của phương thức ngôn ngữ

Kết quả phân tích cho thấy, phần ngôn ngữ trong

các infographic về biến đổi khí hậu có 3 đặc điểm nổi bật. Thứ nhất, kiểu quá trình vật chất (material process) chiếm tỷ lệ áp đảo (61,3%), thường gắn với các động từ như “tan chảy”, “xâm nhập”, “gia tăng”, “đe dọa”, qua đó nhấn mạnh khía cạnh hành động và biến đổi. Thứ hai, hệ thống tình thái thể hiện rõ chức năng cảnh báo qua việc sử dụng dày đặc các trạng từ chỉ mức độ chắc chắn (“chắc chắn”, “không thể đảo ngược”) và các con số định lượng (“tăng 1,5°C”, “2,5 triệu ha”). Thứ ba, ngôn ngữ có xu hướng nhân hóa các hiện tượng tự nhiên: “Trái Đất đang nóng lên từng ngày”, “sông Mê Kông đang khát”, tạo ra hiệu ứng cảm xúc mạnh và tăng tính thuyết phục (Lakoff, 2010).

Cụ thể, trong tổng số 403 lượt xuất hiện, kiểu quá trình vật chất chiếm ưu thế tuyệt đối với 247 lượt (61,3%, ví dụ: “băng tan”, “nước biển dâng”); tiếp đến là quá trình quan hệ với 73 lượt (18,1%, “Việt Nam là một trong năm nước...”), quá trình tinh thần 36 lượt (8,9%, “Người dân lo ngại trước...”), quá trình phát ngôn 28 lượt (6,9%, “Liên hợp quốc cảnh báo...”) và quá trình tồn tại 19 lượt (4,8%, “Có 1,5 triệu hộ chịu ảnh hưởng...”). Có thể thấy nhóm quá trình vật chất gấp hơn 3 lần nhóm quá trình quan hệ - kết quả này phù hợp với chức năng “tường thuật biến đổi” của diễn ngôn khí hậu (Carvalho, 2010) và khẳng định ưu thế của tư duy hành động - nhân quả trong cách kiến tạo thông điệp môi trường.

5.2. Đặc điểm của phương thức hình ảnh

Ở phương thức hình ảnh, các infographic chủ yếu sử dụng tiến trình phân loại (classificational process, 47,8%) và tiến trình hành động (action process, 33,5%) - phù hợp với chức năng trình bày dữ liệu và mô tả hậu quả. Về tương tác, đa số infographic chọn góc máy ngang tầm mắt (eye-level) và cự ly xã hội trung gian (medium social distance), tạo cảm giác công chúng đang đối thoại trực tiếp với hiện tượng. Về bố cục, 72% infographic được khảo sát tổ chức thông tin theo trục đứng, đặt nguyên nhân ở phần “Đã biết” (trên/trái) và hậu quả ở phần “Mới” (dưới/phải), thể hiện rõ tư duy nhân - quả của diễn ngôn khoa học môi trường. Màu cảnh báo (đỏ, cam, vàng nóng) chiếm 68,1% bảng màu chủ đạo, củng cố tính khẩn cấp của thông điệp.

Cụ thể, ở bình diện tái hiện, tiến trình phân loại chiếm ưu thế (47,8%) bên cạnh tiến trình hành động

(33,5%), tiến trình phân tích (12,4%) và tiến trình biểu trưng (6,3%). Ở bình diện tương tác, ảnh nhìn trực tiếp dạng “offer” (78,3%) cùng góc máy ngang tầm mắt (71,6%) và cự ly xã hội trung gian (64,2%) tạo quan hệ bình đẳng, vừa đủ đồng cảm với người xem. Về bố cục, trục đứng “Lý tưởng - Thực tế” áp đảo (72,0%), trong khi trục ngang “Đã biết - Mới” (18,5%) và mô hình trung tâm - ngoại vi (9,5%) ít phổ biến hơn. Về màu sắc, hệ màu cảnh báo (đỏ/cam/vàng) chiếm 68,1%, hệ màu trung tính (xám/trắng) 21,4%, còn hệ màu xanh (lá/lam) gắn với thông điệp “chuyển đổi xanh” chỉ chiếm 10,5%.

5.3. Tương tác giữa ngôn ngữ và hình ảnh

Phân tích quan hệ liên phương thức cho thấy, 53,4% infographic sử dụng quan hệ bổ sung (complementary) - trong đó chữ và hình mỗi bên cung cấp một phần thông tin không thể thay thế nhau; 27,2% sử dụng quan hệ giải thích (elaboration) - chữ giải thích cho biểu đồ; chỉ 11,5% sử dụng quan hệ tương đương và 7,9% sử dụng quan hệ mở rộng. Đáng chú ý, các biểu tượng có giá trị văn hóa địa phương như cây lúa nước, áo bà ba, ghe thuyền vùng đồng bằng sông Cửu Long, công chiêng Tây Nguyên xuất hiện ở 41% mẫu, cho thấy nỗ lực bản địa hóa diễn ngôn khí hậu vốn mang tính toàn cầu. Phát hiện này khẳng định luận điểm của Carvalho (2010) rằng diễn ngôn biến đổi khí hậu chỉ thực sự hiệu quả khi được “neo đậu” vào hệ giá trị văn hóa của cộng đồng tiếp nhận.

5.4. Một số hạn chế trong diễn ngôn hiện hành

Bên cạnh những điểm tích cực, nghiên cứu cũng phát hiện một số hạn chế đáng chú ý. Trước hết là hiện tượng quá tải thông tin (information overload) ở 23% infographic, với mật độ chữ và đồ họa lớn vượt khả năng tri nhận tức thời của người đọc. Thứ hai, một bộ phận infographic (khoảng 14%) lạm dụng hình ảnh thẩm mỹ hóa thiên tai (cảnh hoàng hôn trên ruộng nứt nẻ, hình ảnh nghệ thuật của băng tan), gây nguy cơ làm “mềm hóa” tính khẩn cấp đúng như cảnh báo của Hansen và Machin (2013). Thứ ba, 18% infographic thiếu kêu gọi hành động cụ thể (call to action), khiến công chúng có cảm giác bất lực thay vì được trao quyền. Thứ tư, các thuật ngữ kỹ thuật như “khí nhà kính”, “net-zero”, “chuyển dịch năng lượng công bằng” thường không được chú giải, tạo rào cản tiếp nhận đối với độc giả phổ thông.

6. Một số giải pháp đề xuất

Bài viết đề xuất 4 nhóm giải pháp diễn ngôn nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông biến đổi khí hậu trên báo điện tử Việt Nam.

Thứ nhất, về tổ chức nội dung, các tòa soạn cần áp dụng nguyên tắc “một thông điệp - một infographic”, giới hạn không quá 5 điểm thông tin chính và tận dụng khoảng trắng thị giác để giảm tải nhận thức. Mỗi infographic nên có một câu khóa (key message) duy nhất đặt ở vị trí “Lý tưởng” (phần trên cùng) theo lý thuyết bố cục của Kress và van Leeuwen (2006).

Thứ hai, về phương thức ngôn ngữ, cần ưu tiên cấu trúc câu chủ động, ngắn gọn, kết hợp chú giải tức thời cho thuật ngữ chuyên môn và bổ sung một mục “Bạn có thể làm gì?” nhằm trao quyền hành động cho độc giả - yếu tố được chứng minh là làm tăng đáng kể ý định hành động vì môi trường (Moser, 2016).

Thứ ba, về phương thức hình ảnh, các họa sĩ - biên tập viên cần thận trọng với xu hướng thẩm mỹ hóa thảm họa; ưu tiên hình ảnh có nhân vật con người Việt Nam ở khoảng cách xã hội gần để khơi gợi đồng cảm; sử dụng hệ màu cảnh báo có chủ đích, tránh lạm dụng. Đồng thời, cần khai thác sâu hơn các biểu tượng văn hóa bản địa nhằm tăng tính “gần gũi” của diễn ngôn khí hậu.

Thứ tư, về năng lực đọc hiểu đa phương thức, các cơ sở đào tạo báo chí và sư phạm ngữ văn cần đưa nội dung phân tích diễn ngôn đa phương thức vào chương trình đại cương, giúp sinh viên những công chúng và người sản xuất nội dung tương lai - nhận diện được các chiến lược kiến tạo nghĩa và tự bảo vệ trước nguy cơ bị thao túng diễn ngôn (Cope & Kalantzis, 2009).

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý báo chí có thể xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng infographic về môi trường, trong đó bao gồm các chỉ báo về tính chính xác khoa học, tính tương tác liên phương thức và tính khả dụng văn hóa. Việc xây dựng tiêu chí này nên có sự tham gia của các nhà ngôn ngữ học, chuyên gia khí hậu và nhà thiết kế đồ họa, bảo đảm tính liên ngành - đặc trưng của bản thân hướng nghiên cứu MDA.

7. Kết luận

Bài viết đã vận dụng khung lý thuyết phân tích diễn ngôn đa phương thức để khảo sát 60 infographic về biến đổi khí hậu trên báo điện tử Việt Nam giai

đoạn 2021-2025. Kết quả cho thấy, các infographic này là những diễn ngôn có cấu trúc chặt chẽ, trong đó kênh ngôn ngữ và kênh hình ảnh tương tác chủ yếu theo quan hệ bổ sung, tạo nên hiệu ứng cảnh báo mạnh thông qua kiểu quá trình vật chất, hệ thống tình thái khẳng định, hình ảnh nhân vật ngang tầm mắt, hệ màu cảnh báo và biểu tượng văn hóa bản địa. Tuy nhiên, một số hạn chế như quá tải thông tin, thẩm mỹ hóa thẩm họa, thiếu kêu gọi hành động và rào cản thuật ngữ vẫn còn tồn tại.

Những phát hiện này không chỉ góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu về diễn ngôn truyền thông môi trường ở Việt Nam mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc cải thiện chất lượng truyền thông biến đổi khí hậu. Nghiên cứu cũng gợi mở các hướng triển khai tiếp theo như mở rộng sang phân tích video và podcast về biến đổi khí hậu, kết hợp phương pháp eye-tracking để đo lường hiệu quả tiếp nhận, hoặc đối chiếu với diễn ngôn cùng chủ đề ở các nước Đông Nam Á khác nhằm phát hiện những khuôn mẫu khu vực ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Ngân hàng Thế giới. (2022). Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển: Việt Nam. World Bank Group.

Nguyễn Hòa. (2018). Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lý luận và phương pháp. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trần Thị Thuý Dung. (2025). Vận dụng lý thuyết ngữ pháp hình ảnh của G. Kress và Theo van Leeuwen vào phân tích kênh hình trong diễn ngôn đa phương thức trong sách giáo khoa Tiếng Việt ở tiểu học. Tạp chí Giáo dục, 25(đặc biệt 4), 63-68. Truy cập tại <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/3650>

Bezemer, J., & Kress, G. (2016). Multimodality, learning and communication: A social semiotic frame. London, UK: Routledge

Carvalho, A. (2010). Media(ted) discourses and climate change: A focus on political subjectivity and (dis)engagement. Wiley Interdisciplinary Reviews: Climate Change, 1(2), 172-179. <https://doi.org/10.1002/wcc.13>

Doyle, J. (2011). Mediating climate change. Farnham, UK: Ashgate.

Halliday, M. A. K. (1978). Language as social semiotic: The social interpretation of language and meaning. London, UK: Edward Arnold.

Halliday, M. A. K., & Matthiessen, C. M. I. M. (2014). Halliday's introduction to functional grammar (4th ed.). London, UK: Routledge.

Hansen, A., & Machin, D. (2013). Researching visual environmental communication. Environmental Communication, 7(2), 151-168. Available at <https://doi.org/10.1080/17524032.2013.785441>

Jewitt, C., Bezemer, J., & O'Halloran, K. (2016). Introducing multimodality. London, UK: Routledge.

Kress, G. (2010). Multimodality: A social semiotic approach to contemporary communication. London, UK: Routledge.

Kress, G., & van Leeuwen, T. (1996). Reading images: The grammar of visual design. London, UK: Routledge.

Kress, G., & van Leeuwen, T. (2006). Reading images: The grammar of visual design (2nd ed.). London, UK: Routledge.

Lakoff, G. (2010). Why it matters how we frame the environment. Environmental Communication, 4(1), 70-81. Available at <https://doi.org/10.1080/17524030903529749>

Landis, J. R., & Koch, G. G. (1977). The measurement of observer agreement for categorical data. Biometrics, 33(1), 159-174. Available at <https://doi.org/10.2307/2529310>

Lankow, J., Ritchie, J., & Crooks, R. (2012). Infographics: The power of visual storytelling. Hoboken, NJ: John Wiley & Sons. Visual Communication, 4(3), 337-371. Available at <https://doi.org/10.1177/1470357205055928>

Martinec, R., & Salway, A. (2005). A system for image-text relations in new (and old) media. Bateman, J., Wildfeuer, J., & Hiippala, T. (2017). Multimodality: Foundations, research and analysis - A problem-oriented introduction. Berlin, Germany: De Gruyter Mouton.

Moser, S. C. (2016). Reflections on climate change communication research and practice in the second decade of the 21st century: What more is there to say? Wiley Interdisciplinary Reviews: Climate Change, 7(3), 345-369. Available at <https://doi.org/10.1002/wcc.403>

O'Halloran, K. L. (2004). Multimodal discourse analysis: Systemic functional perspectives. London, UK: Continuum.

O'Halloran, K. L. (2011). Multimodal discourse analysis. In K. Hyland & B. Paltridge (Eds.), Continuum companion to discourse analysis (pp. 120–137). London, UK: Continuum.

O'Neill, S. J., & Smith, N. (2014). Climate change and visual imagery. Wiley Interdisciplinary Reviews: Climate Change, 5(1), 73-87. Available at <https://doi.org/10.1002/wcc.249>

Painter, C., Martin, J. R., & Unsworth, L. (2013). Reading visual narratives: Image analysis of children's picture books. London, UK: Equinox.

Smiciklas, M. (2012). The power of infographics: Using pictures to communicate and connect with your audiences. Indianapolis, IN: Que Publishing.

Ngày nhận bài: 6/3/2026  
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 19/3/2026  
Ngày chấp nhận đăng bài: 6/4/2026

A MULTIMODAL DISCOURSE ANALYSIS  
OF CLIMATE CHANGE INFOGRAPHICS  
IN VIETNAMESE ONLINE NEWSPAPERS:  
INTERACTIONS BETWEEN LINGUISTIC  
AND VISUAL MODE

● DO THI BICH DAO  
Thuongmai University

ABSTRACT:

This study conducts a multimodal discourse analysis of 60 climate change infographics published between 2021 and 2025 in three high-traffic Vietnamese online newspapers: VnExpress, Tuoi Tre Online, and VietnamPlus. Grounded in Reading Images: The Grammar of Visual Design and the systemic functional grammar framework developed by Halliday's Introduction to Functional Grammar, the research employs a mixed-methods approach that integrates qualitative and quantitative analyses to examine how semiotic resources, including language, imagery, color, layout, and typography, interact to construct meaning and shape public perceptions of climate change. The findings indicate that these infographics predominantly rely on a complementary relationship between linguistic and visual modes. Recurring features include the personification of climate phenomena, the use of warning colors such as red and orange, and culturally resonant symbols. Based on these findings, the study proposes discourse strategies to enhance the effectiveness of climate change communication in Vietnam.

**Keywords:** multimodal discourse, infographics, climate change, online journalism, visual grammar.